

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 28/9/2021 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 17,18,19/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 536 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 17,18,19/9/2021 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)*

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT1688	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/10/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
2	CNTT1690	Lê Văn	Chiến	19/07/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt
3	CNTT1691	Phạm Văn	Dũng	17/10/1992	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,0	Đạt
4	CNTT1692	Tổng Văn	Dương	17/09/1991	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	7,0	Đạt
5	CNTT1693	Hoàng Thị	Đào	20/08/1990	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	7,5	7,0	Đạt
6	CNTT1694	Trần Văn	Đức	02/07/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
7	CNTT1695	Lương Thị	Hằng	07/12/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt
8	CNTT1697	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/02/1980	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
9	CNTT1698	Trần Thị Khánh	Hòa	19/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
10	CNTT1699	Đỗ Thị	Hoài	19/06/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,7	7,0	Đạt
11	CNTT1700	Nguyễn Thanh	Huyền	03/08/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
12	CNTT1701	Nguyễn Thị	Hương	15/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	Đạt
13	CNTT1702	Phùng Thị	Hường	10/08/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
14	CNTT1703	Tôn Văn	Nam	06/06/1995	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	8,0	7,0	Đạt
15	CNTT1704	Trần Hữu	Nghĩa	10/12/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt
16	CNTT1705	Phạm Thị Thảo	Nguyên	16/09/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	Đạt
17	CNTT1707	Lý Thị	Phượng	03/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Sán Chí	8,5	7,0	Đạt
18	CNTT1708	Tạ Thị	Sửu	16/08/1973	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
19	CNTT1709	Nguyễn Văn	Tài	13/10/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt
20	CNTT1710	Lương Thị	Thành	07/03/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt
21	CNTT1712	Đoàn Ngọc	Trường	28/09/1976	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt
22	CNTT1713	Nguyễn Xuân	Tùng	03/10/1992	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,2	7,5	Đạt
23	CNTT1714	Nguyễn Thị	Tuyên	17/08/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
24	CNTT1715	Dương Tuấn	An	08/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
25	CNTT1716	Nguyễn Văn	An	09/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	8,0	Đạt
26	CNTT1717	Phạm Văn	An	27/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
27	CNTT1718	Đào Thị Vân	Anh	21/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
28	CNTT1719	Hà Phương	Anh	16/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt
29	CNTT1720	Hà Thế	Anh	20/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
30	CNTT1721	Hoàng Thị Lan	Anh	18/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
31	CNTT1722	Lê Ngọc	Anh	23/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	6,5	Đạt
32	CNTT1723	Nguyễn Quốc	Anh	09/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
33	CNTT1724	Nguyễn Thị Lan	Anh	10/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
34	CNTT1725	Nguyễn Thị Mai	Anh	19/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
35	CNTT1726	Nguyễn Thị Mai	Anh	02/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
36	CNTT1727	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
37	CNTT1728	Nguyễn Tuấn	Anh	07/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
38	CNTT1729	Nguyễn Tuấn	Anh	14/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
39	CNTT1730	Nguyễn Tuấn	Anh	09/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
40	CNTT1732	Phùng Tuấn	Anh	27/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
41	CNTT1733	Tạ Tuấn	Anh	19/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
42	CNTT1734	Vũ Tuấn	Anh	27/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
43	CNTT1735	Đỗ Thị Minh	Ánh	23/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
44	CNTT1736	Đồng Thị	Ánh	08/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt
45	CNTT1737	Nguyễn Ngọc	Ánh	15/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
46	CNTT1738	Nguyễn Thị	Ánh	27/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
47	CNTT1739	Hoàng Văn	Bách	21/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,5	Đạt
48	CNTT1740	Tổng Minh	Bách	24/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
49	CNTT1741	Ninh Văn	Bảo	06/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
50	CNTT1742	Ngô Xuân	Bắc	15/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	7,5	Đạt
51	CNTT1743	Nguyễn Văn	Bắc	01/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	7,5	Đạt
52	CNTT1744	Nguyễn Quang	Bằng	01/07/2004	Thái Bình	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
53	CNTT1745	Hà Thị	Biên	19/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt
54	CNTT1746	Ngô Thế	Bình	04/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
55	CNTT1747	Ninh Tuấn	Bình	17/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
56	CNTT1748	Tổng Hoàng	Bình	30/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,5	Đạt
57	CNTT1749	Trần Đức	Bình	22/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
58	CNTT1750	Nguyễn Xuân	Bo	01/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
59	CNTT1751	Hà Mai Sa	Chi	09/07/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt
60	CNTT1752	Hoàng Thị Út	Chi	12/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	Đạt
61	CNTT1753	Hoàng Minh	Chiến	27/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
62	CNTT1754	Nguyễn Trọng	Chiến	08/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
63	CNTT1755	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	31/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
64	CNTT1756	Hà Văn	Chung	10/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
65	CNTT1757	Chu Quốc	Cường	16/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
66	CNTT1758	Dương Mạnh	Cường	13/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
67	CNTT1759	Hà Mạnh	Cường	10/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
68	CNTT1760	Hà Văn	Cường	02/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
69	CNTT1761	Lưu Văn	Cường	26/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
70	CNTT1762	Nguyễn Văn	Cường	01/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
71	CNTT1763	Ninh Văn	Dân	19/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
72	CNTT1764	Nguyễn Văn	Doanh	15/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
73	CNTT1765	Dương Đình	Dũng	30/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
74	CNTT1766	Hà Mạnh	Dũng	12/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
75	CNTT1767	Lương Xuân	Dũng	21/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
76	CNTT1768	Nguyễn Đình	Dũng	15/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
77	CNTT1769	Nguyễn Đức	Dũng	11/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
78	CNTT1770	Nguyễn Khắc	Dũng	27/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
79	CNTT1771	Trần Đức	Dũng	01/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
80	CNTT1772	Hoàng Anh	Duy	29/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
81	CNTT1773	Hoàng Văn	Duy	25/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
82	CNTT1774	Nguyễn Đức	Duy	04/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
83	CNTT1775	Nguyễn Đức	Duy	28/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
84	CNTT1776	Nguyễn Khánh	Duy	07/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	8,0	Đạt
85	CNTT1777	Nguyễn Văn	Duy	15/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
86	CNTT1778	Nguyễn Văn	Duy	05/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
87	CNTT1779	Thân Thị Mỹ	Duyên	11/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
88	CNTT1780	Chu Đình	Dương	29/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
89	CNTT1781	Dương Tấn	Dương	30/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,5	Đạt
90	CNTT1782	Nguyễn Hữu Hồng	Dương	01/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
91	CNTT1783	Nguyễn Quốc	Dương	02/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
92	CNTT1784	Nguyễn Văn	Dương	19/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
93	CNTT1785	Nguyễn Văn	Dương	09/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
94	CNTT1786	Tổng Đức	Dương	15/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	8,0	Đạt
95	CNTT1787	Hà Văn	Đại	28/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
96	CNTT1788	Hà Thị	Đào	03/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt
97	CNTT1789	Lại Thị Hồng	Đào	23/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
98	CNTT1790	Dương Thành	Đạt	22/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
99	CNTT1791	Ngô Văn	Đạt	15/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
100	CNTT1792	Nguyễn Thành	Đạt	10/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
101	CNTT1793	Nguyễn Văn	Đạt	05/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
102	CNTT1794	Phạm Văn Đạt	07/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
103	CNTT1795	Nguyễn Hải Đăng	17/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,0	Đạt
104	CNTT1796	Giáp Tuấn Điệp	22/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
105	CNTT1797	Nguyễn Văn Điệp	02/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt
106	CNTT1798	Vũ Huỳnh Điệp	05/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
107	CNTT1799	Thân Văn Định	20/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
108	CNTT1800	Hà Văn Đoàn	30/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
109	CNTT1801	Giáp Văn Đông	13/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt
110	CNTT1802	Nguyễn Xuân Đông	23/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt
111	CNTT1803	Lương Viết Đồng	20/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	8,0	Đạt
112	CNTT1804	Chu Đình Minh Đức	13/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt
113	CNTT1805	Dương Văn Đức	02/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
114	CNTT1806	Hoàng Minh Đức	04/05/2004	Đồng Nai	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
115	CNTT1807	Hoàng Minh Đức	20/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt
116	CNTT1808	Lưu Văn Đức	28/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
117	CNTT1809	Nghiêm Minh Đức	16/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
118	CNTT1810	Nguyễn Văn Đức	01/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	6,5	Đạt
119	CNTT1811	Nguyễn Xuân Đức	24/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
120	CNTT1812	Phạm Xuân Đức	20/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
121	CNTT1813	Phùng Văn Đức	28/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
122	CNTT1814	Tổng Khắc Đức	19/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
123	CNTT1815	Trần Nguyễn Phương Em	03/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
124	CNTT1816	Nguyễn Thị Gấm	10/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
125	CNTT1817	Hà Đức Giang	15/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
126	CNTT1818	Hoàng Văn Giang	03/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	8,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
127	CNTT1819	Nguyễn Đức	Giang	03/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
128	CNTT1820	Nguyễn Thị	Giang	19/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
129	CNTT1821	Dương Văn	Giáp	12/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
130	CNTT1822	Tạ Xuân	Giáp	22/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
131	CNTT1823	Đặng Ngọc	Hà	25/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
132	CNTT1824	Dương Ngọc	Hà	15/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	5,5	6,5	Đạt
133	CNTT1825	Nguyễn Đức	Hà	01/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
134	CNTT1826	Nguyễn Hoàng	Hà	08/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
135	CNTT1827	Nguyễn Minh	Hà	13/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
136	CNTT1828	Nguyễn Quang	Hà	27/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
137	CNTT1829	Nguyễn Quang	Hà	04/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
138	CNTT1830	Phạm Thanh	Hà	12/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
139	CNTT1831	Trần Thu	Hà	29/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
140	CNTT1832	Đào Thị Thanh	Hải	10/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
141	CNTT1833	Đỗ Văn	Hải	06/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
142	CNTT1834	Đoàn Văn	Hải	01/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
143	CNTT1835	Lê Đắc	Hải	25/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
144	CNTT1836	Nguyễn Văn	Hải	25/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
145	CNTT1837	Phạm Minh	Hải	02/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
146	CNTT1838	Phùng Văn	Hải	26/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
147	CNTT1839	Trần Đức	Hải	05/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
148	CNTT1840	Thân Thị	Hạnh	19/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
149	CNTT1841	Nguyễn Anh	Hào	09/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
150	CNTT1842	Phạm Văn	Hào	14/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
151	CNTT1843	Hà Thị	Hằng	16/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
152	CNTT1844	Mông Thị	Hằng	22/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6,0	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
153	CNTT1845	Nguyễn Thị Hằng	13/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
154	CNTT1846	Nguyễn Thị Hằng	21/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
155	CNTT1847	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/12/2002	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
156	CNTT1848	Đào Hữu Hậu	20/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,5	Đạt
157	CNTT1849	Phạm Thị Hiền	02/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
158	CNTT1850	Dương Thị Hiền	17/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
159	CNTT1851	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
160	CNTT1852	Nguyễn Thúy Hiền	20/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,5	Đạt
161	CNTT1853	Diệp Văn Hiệp	22/11/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6,2	7,0	Đạt
162	CNTT1854	Giáp Thế Hiệp	17/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
163	CNTT1855	Giáp Văn Hiệp	25/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
164	CNTT1856	Giáp Xuân Hiệp	08/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
165	CNTT1857	Nguyễn Hoàng Hiệp	14/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
166	CNTT1858	Nguyễn Sỹ Hiệp	20/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
167	CNTT1859	Vũ Trí Hiệp	31/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
168	CNTT1860	Vương Văn Hiệp	03/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
169	CNTT1861	Đặng Minh Hiếu	20/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
170	CNTT1862	Dương Văn Hiếu	21/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
171	CNTT1863	Hoàng Trung Hiếu	19/11/2004	Đồng Nai	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
172	CNTT1864	Lê Trung Hiếu	14/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
173	CNTT1865	Lê Văn Hiếu	27/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
174	CNTT1866	Ngô Đức Hiếu	25/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
175	CNTT1867	Nguyễn Minh Hiếu	20/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
176	CNTT1868	Nguyễn Trung Hiếu	06/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
177	CNTT1869	Nguyễn Trung Hiếu	11/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
178	CNTT1870	Nguyễn Trung Hiếu	06/05/2004	Liên Bang	Nam	Kinh	6,7	8,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
					Nga					
179	CNTT1871	Nguyễn Văn	Hiếu	13/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
180	CNTT1872	Phạm Hồng	Hiếu	03/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
181	CNTT1873	Nguyễn Văn	Hiếu	25/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,0	Đạt
182	CNTT1874	Hoàng Thị	Hoa	17/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
183	CNTT1875	Nguyễn Thị	Hoa	30/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
184	CNTT1876	Thân Thị	Hoa	24/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
185	CNTT1877	Đào Thị	Hòa	29/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
186	CNTT1878	Nguyễn Minh	Hòa	15/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	Đạt
187	CNTT1879	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	02/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
188	CNTT1880	Hoàng Thị Thanh	Hoài	11/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
189	CNTT1881	Phạm Thị Tô	Hoài	13/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
190	CNTT1882	Nguyễn Sỹ	Hoàn	01/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
191	CNTT1883	Đào Hữu	Hoàng	30/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
192	CNTT1884	Đào Phi	Hoàng	14/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
193	CNTT1885	Hà Văn	Hoàng	25/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
194	CNTT1886	La Văn	Hoàng	25/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
195	CNTT1887	Nguyễn Huy	Hoàng	04/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
196	CNTT1888	Nguyễn Huy	Hoàng	17/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
197	CNTT1889	Nguyễn Văn	Hoàng	05/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
198	CNTT1890	Nguyễn Việt	Hoàng	22/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
199	CNTT1891	Ninh Trí	Hoàng	24/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
200	CNTT1892	Phạm Việt	Hoàng	02/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
201	CNTT1893	Nguyễn Văn	Học	04/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt
202	CNTT1894	Từ Quốc	Học	23/07/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	6,2	6,0	Đạt
203	CNTT1895	Giáp Thúy	Hồng	23/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
204	CNTT1896	Hà Thị Hồng	17/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
205	CNTT1897	Hoàng Thị Hồng	24/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt
206	CNTT1898	Nguyễn Thị Hồng	17/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
207	CNTT1899	Nguyễn Thị Hồng	13/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
208	CNTT1900	Nguyễn Thị Hồng	13/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,5	Đạt
209	CNTT1901	Hoàng Quang Hợp	02/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
210	CNTT1902	Dương Văn Huân	20/07/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt
211	CNTT1903	Thân Văn Huân	21/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
212	CNTT1904	Trịnh Văn Huân	26/05/2003	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,5	6,0	Đạt
213	CNTT1905	Cao Thị Huệ	27/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
214	CNTT1906	Dương Thị Huệ	08/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
215	CNTT1907	Nguyễn Thị Huệ	09/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
216	CNTT1908	Đặng Thành Hùng	20/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
217	CNTT1909	Hà Phi Hùng	30/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
218	CNTT1910	Hà Văn Hùng	29/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
219	CNTT1911	Lê Đức Hùng	02/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
220	CNTT1912	Nguyễn Sỹ Hùng	05/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
221	CNTT1913	Nguyễn Văn Hùng	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
222	CNTT1914	Nguyễn Văn Hùng	10/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
223	CNTT1915	Nguyễn Văn Hùng	16/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,2	6,0	Đạt
224	CNTT1916	Nguyễn Việt Hùng	03/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
225	CNTT1917	Nông Việt Hùng	23/04/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	6,5	Đạt
226	CNTT1918	Trương Mạnh Hùng	11/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
227	CNTT1919	Trương Tuấn Việt Hùng	27/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
228	CNTT1920	Dương Văn Huy	08/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
229	CNTT1921	Hà Quang Huy	30/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
230	CNTT1922	Lê Văn Huy	20/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
231	CNTT1923	Lê Văn Huy	01/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
232	CNTT1924	Nguyễn Quang Huy	29/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
233	CNTT1925	Nguyễn Quang Huy	16/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
234	CNTT1926	Nguyễn Quang Huy	08/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt
235	CNTT1927	Nguyễn Văn Huy	29/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
236	CNTT1928	Bùi Thị Khánh Huyền	13/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt
237	CNTT1929	Hà Thị Huyền	19/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
238	CNTT1930	Lê Thị Huyền	02/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	5,5	Đạt
239	CNTT1931	Nguyễn Thị Huyền	13/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
240	CNTT1932	Hoàng Đình Hưng	30/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
241	CNTT1933	Nguyễn Văn Hưng	16/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,0	Đạt
242	CNTT1934	Nguyễn Văn Hưng	12/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
243	CNTT1935	Nguyễn Việt Hưng	03/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt
244	CNTT1936	Tô Đình Hưng	12/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
245	CNTT1937	Nguyễn Thị Hương	04/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
246	CNTT1938	Nguyễn Thị Ngọc Hương	07/07/2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	7,2	5,5	Đạt
247	CNTT1939	Ngô Thị Hường	31/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt
248	CNTT1940	Nguyễn Văn Hưởng	10/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt
249	CNTT1941	Nguyễn Ngọc Khải	21/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
250	CNTT1942	Nguyễn Duy Khánh	30/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
251	CNTT1943	Nguyễn Ngọc Khánh	03/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
252	CNTT1944	Nguyễn Văn Khoản	25/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
253	CNTT1945	Chu Văn Khởi	22/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
254	CNTT1946	Đặng Văn Khuyến	04/11/2003	Bắc Giang	Nam	Dao	5,7	5,0	Đạt
255	CNTT1947	Đỗ Xuân Kiên	27/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
256	CNTT1948	Hoàng Thế	Kiên	30/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
257	CNTT1949	Nguyễn Đức	Kiên	16/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
258	CNTT1950	Phạm Trung	Kiên	06/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
259	CNTT1951	Phạm Trung	Kiên	09/05/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
260	CNTT1952	Vũ Trí	Kiên	29/04/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
261	CNTT1953	Nguyễn Văn	Kiều	05/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
262	CNTT1954	Nguyễn Thị	Lan	04/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
263	CNTT1955	Vi Thị Ngọc	Lan	27/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,2	6,0	Đạt
264	CNTT1956	Đỗ Thanh	Lâm	27/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
265	CNTT1957	Lục Khánh	Lâm	26/02/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,5	8,0	Đạt
266	CNTT1958	Nguyễn Văn	Lâm	09/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,5	Đạt
267	CNTT1959	Ngô Quang	Linh	06/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
268	CNTT1960	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	19/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
269	CNTT1961	Nguyễn Mai	Linh	10/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,5	Đạt
270	CNTT1962	Nguyễn Thị Ánh	Linh	24/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
271	CNTT1963	Nguyễn Thị Thùy	Linh	05/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
272	CNTT1964	Phạm Thị Thùy	Linh	31/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt
273	CNTT1965	Đoàn Thị Thu	Loan	28/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	Đạt
274	CNTT1966	Đặng Văn	Long	18/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
275	CNTT1967	Hoàng Thế	Long	07/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
276	CNTT1968	Nguyễn Thành	Long	27/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
277	CNTT1969	Nguyễn Thành	Long	23/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
278	CNTT1970	Nguyễn Thành	Long	26/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
279	CNTT1971	Nguyễn Văn	Long	09/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
280	CNTT1972	Nguyễn Văn	Long	05/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
281	CNTT1973	Thân Đức Long	05/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
282	CNTT1974	Nguyễn Thành Lộc	17/06/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
283	CNTT1975	Lương Ngọc Luân	22/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt
284	CNTT1976	Nguyễn Tiến Lực	14/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
285	CNTT1977	Nguyễn Thị Hồng Lương	24/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
286	CNTT1978	Trần Đức Lương	18/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
287	CNTT1979	Nguyễn Tiến Lượng	21/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
288	CNTT1980	Dương Thị Ly	28/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
289	CNTT1981	Hà Thị Ly	27/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
290	CNTT1982	Nguyễn Minh Lý	01/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
291	CNTT1983	Giáp Văn Mai	20/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
292	CNTT1984	Nguyễn Thị Ngọc Mai	26/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
293	CNTT1985	Trần Thanh Mai	22/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
294	CNTT1986	Chu Văn Mạnh	09/06/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt
295	CNTT1987	Đào Đức Mạnh	31/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt
296	CNTT1988	Đào Ngọc Mạnh	13/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
297	CNTT1990	Nguyễn Đức Mạnh	02/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
298	CNTT1991	Phạm Đăng Mạnh	08/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,5	Đạt
299	CNTT1992	Trần Tiến Mạnh	24/01/2005	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,5	Đạt
300	CNTT1993	Vũ Thế Mạnh	27/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
301	CNTT1994	Vũ Trí Mạnh	17/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
302	CNTT1995	Nguyễn Văn Mẫn	05/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
303	CNTT1996	Lê Thị Mến	28/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
304	CNTT1997	Nguyễn Thị Miên	12/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt
305	CNTT1998	Đậu Anh Minh	19/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
306	CNTT1999	Dương Gia Minh	13/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
307	CNTT2000	Dương Hoàng	Minh	23/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
308	CNTT2001	Hà Thị	Minh	25/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
309	CNTT2002	Hà Văn	Minh	31/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt
310	CNTT2003	Nguyễn Anh	Minh	09/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
311	CNTT2004	Nguyễn Xuân	Minh	27/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
312	CNTT2005	Phạm Bá Lê	Minh	14/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
313	CNTT2006	Vi Ngọc	Minh	15/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
314	CNTT2007	Vũ Văn	Minh	14/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
315	CNTT2008	Hoàng Thị	My	09/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
316	CNTT2009	Đình Hoàng	Nam	01/10/2004	Đồng Nai	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
317	CNTT2010	Đỗ Trường	Nam	06/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
318	CNTT2011	Nguyễn Ngọc	Nam	21/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
319	CNTT2012	Nguyễn Văn	Nam	20/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt
320	CNTT2013	Phí Thị	Nam	18/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	6,5	Đạt
321	CNTT2014	Tạ Văn	Nam	03/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
322	CNTT2015	Hà Văn	Năm	14/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
323	CNTT2016	Hà Thị Thúy	Nga	02/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,0	Đạt
324	CNTT2017	Lương Thị	Nga	12/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
325	CNTT2018	Hà Đức	Nghiệp	13/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
326	CNTT2019	Chu Thị Bảo	Ngọc	14/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt
327	CNTT2020	Đặng Thị Hồng	Ngọc	14/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
328	CNTT2021	Dương Minh	Ngọc	20/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,0	Đạt
329	CNTT2022	Hoàng Thế	Ngọc	24/06/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt
330	CNTT2023	Nguyễn Thị	Ngọc	24/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
331	CNTT2024	Nguyễn Văn	Ngọc	06/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
332	CNTT2025	Trần Thị	Ngọc	05/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
333	CNTT2026	Giáp Văn	Nguyên	25/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	8,0	Đạt
334	CNTT2027	Nguyễn Công	Nguyên	12/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
335	CNTT2028	Lê Thị	Nguyệt	28/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
336	CNTT2030	Hà Hoàng	Nhân	26/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
337	CNTT2031	Dương Ngọc	Nhân	14/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
338	CNTT2032	Nguyễn Xuân	Nhiên	29/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
339	CNTT2033	Nguyễn Văn	Nhu	16/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
340	CNTT2034	Nguyễn Thị	Nhung	04/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	Đạt
341	CNTT2035	Vũ Thị Tuyết	Nhung	16/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
342	CNTT2036	Hoàng Thị	Ninh	20/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
343	CNTT2037	Nguyễn Văn	Ninh	25/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
344	CNTT2038	Trần Nam	Ninh	21/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
345	CNTT2039	Đặng Thị Phương	Oanh	26/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,5	Đạt
346	CNTT2040	Nguyễn Thị	Oanh	08/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
347	CNTT2041	Nguyễn Thị	Oanh	10/12/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
348	CNTT2042	Lương Đức	Phong	17/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
349	CNTT2043	Nguyễn Văn	Phong	20/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
350	CNTT2044	Vi Văn	Phong	19/01/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	7,5	7,0	Đạt
351	CNTT2045	Hà Minh	Phú	06/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
352	CNTT2046	Vương Trọng	Phú	26/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
353	CNTT2047	Đào Thị Hồng	Phúc	03/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
354	CNTT2048	Phan Đình	Phúc	06/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
355	CNTT2049	Đỗ Thanh	Phương	26/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
356	CNTT2050	Lê Đình	Phương	16/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
357	CNTT2051	Lê Thị	Phương	09/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt
358	CNTT2052	Nguyễn Hồng	Phương	04/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
359	CNTT2053	Nguyễn Thị Phương	28/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,0	Đạt
360	CNTT2054	Nguyễn Thị Thu Phương	03/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
361	CNTT2055	Nguyễn Thu Phương	06/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
362	CNTT2056	Nguyễn Văn Phương	03/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
363	CNTT2057	Bùi Duy Quang	11/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
364	CNTT2058	Hà Văn Quang	19/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
365	CNTT2059	Nguyễn Đức Quang	16/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
366	CNTT2060	Nguyễn Vũ Quang	14/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
367	CNTT2061	Phạm Văn Quang	09/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
368	CNTT2062	Tạ Văn Quang	09/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
369	CNTT2063	Vũ Văn Quang	22/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
370	CNTT2064	Chu Minh Quân	25/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt
371	CNTT2065	Hoàng Đức Quân	25/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
372	CNTT2066	Hoàng Mạnh Quân	09/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt
373	CNTT2067	Nguyễn Hồng Quân	03/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
374	CNTT2068	Nguyễn Minh Quân	03/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
375	CNTT2069	Nguyễn Minh Quân	08/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt
376	CNTT2070	Nguyễn Minh Quân	14/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
377	CNTT2071	Nguyễn Trung Quân	25/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
378	CNTT2072	Phạm Nguyễn Ngọc Quân	28/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
379	CNTT2073	Phạm Văn Quý	06/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
380	CNTT2074	Hoàng Văn Quốc	13/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	Đạt
381	CNTT2075	Nguyễn Văn Quốc	11/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
382	CNTT2076	Nguyễn Văn Quốc	29/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
383	CNTT2077	Đỗ Thị Quyên	21/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	8,0	Đạt
384	CNTT2078	Bùi Văn Quyên	20/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
385	CNTT2079	Đào Minh	Quyến	01/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
386	CNTT2080	Nguyễn Văn	Quyết	13/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
387	CNTT2081	Sái Văn	Quyết	20/04/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,7	7,5	Đạt
388	CNTT2082	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	10/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
389	CNTT2083	Nguyễn Thị	Quỳnh	28/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt
390	CNTT2085	Hà Văn	Sang	18/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
391	CNTT2086	Ninh Văn	Sáng	16/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
392	CNTT2087	Hà Văn	Sanh	08/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
393	CNTT2088	Giáp Văn	Son	07/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt
394	CNTT2089	Hoàng Trọng	Son	01/10/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt
395	CNTT2090	Lê Chu Quang	Son	01/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
396	CNTT2091	Ngô Anh	Son	11/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
397	CNTT2092	Nguyễn Hữu	Son	27/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
398	CNTT2094	Nguyễn Tấn Phong	Son	01/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
399	CNTT2095	Nguyễn Văn	Son	16/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
400	CNTT2096	Nguyễn Văn	Son	25/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	8,0	Đạt
401	CNTT2097	Nguyễn Văn Hải	Son	22/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
402	CNTT2098	Trương Văn	Son	11/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
403	CNTT2099	Dùng Văn	Sự	04/12/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
404	CNTT2100	Lăng Văn	Sỹ	23/06/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
405	CNTT2101	Nguyễn Văn	Tài	22/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
406	CNTT2102	Dương Văn	Tài	16/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt
407	CNTT2103	Nguyễn Văn	Tạo	17/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
408	CNTT2104	Hoàng Thanh	Tâm	02/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
409	CNTT2105	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
	CNTT2106	Hoàng Văn	Tân	23/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
411	CNTT2107	Nguyễn Văn	Tân	07/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	8,0	Đạt
412	CNTT2108	Lục Văn	Thái	03/03/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
413	CNTT2109	Dương Ngọc	Thanh	07/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
414	CNTT2110	Giáp Văn	Thanh	05/01/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
415	CNTT2111	Nguyễn Thị	Thanh	11/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
416	CNTT2112	Dùng Văn	Thành	22/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6,0	8,0	Đạt
417	CNTT2113	Dương Văn	Thành	05/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
418	CNTT2114	Dương Văn	Thành	27/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	8,0	Đạt
419	CNTT2115	Nguyễn Sỹ	Thành	07/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	8,0	Đạt
420	CNTT2116	Nguyễn Tiến	Thành	05/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
421	CNTT2117	Nguyễn Văn	Thành	23/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
422	CNTT2118	Hoàng Thị Thu	Thảo	17/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,5	Đạt
423	CNTT2119	Ngô Phương	Thảo	11/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
424	CNTT2120	Nguyễn Thị	Thảo	21/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt
425	CNTT2121	Trần Thu	Thảo	11/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
426	CNTT2122	Lê Thị	Thắm	25/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
427	CNTT2123	Hà Toàn	Thắng	02/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
428	CNTT2124	Hoàng Văn	Thắng	22/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt
429	CNTT2125	Ngô Minh	Thắng	10/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
430	CNTT2126	Nguyễn Minh	Thắng	02/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
431	CNTT2127	Nguyễn Quyết	Thắng	21/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt
432	CNTT2128	Nguyễn Văn	Thắng	24/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
433	CNTT2129	Trương Minh	Thắm	28/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
434	CNTT2130	Đặng Thanh	Thế	16/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
435	CNTT2131	Hoàng Văn	Thế	10/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
436	CNTT2132	Nguyễn Đình	Thiện	29/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
437	CNTT2133	Nguyễn Đức	Thiện	21/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
438	CNTT2134	Phạm Văn	Thịnh	22/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
439	CNTT2135	Nguyễn Thị	Thoa	26/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt
440	CNTT2136	Bùi Thị Hồng	Thoan	25/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
441	CNTT2137	Nguyễn Văn	Thông	25/12/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
442	CNTT2138	Nguyễn Thị	Thơm	18/05/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
443	CNTT2139	Hoàng Thị Thanh	Thúy	08/04/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
444	CNTT2140	Nguyễn Thị	Thúy	26/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
445	CNTT2141	Trần Thị	Thúy	26/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
446	CNTT2142	Bùi Ngọc	Thùy	28/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt
447	CNTT2143	Nguyễn Thị	Thủy	05/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
448	CNTT2144	Dương Thị	Thương	12/02/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
449	CNTT2145	Nguyễn Thị	Thương	16/04/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
450	CNTT2146	Chu Đức	Tiến	20/02/2004	Bình Dương	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
451	CNTT2147	Chu Vũ	Tiến	08/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt
452	CNTT2148	Đặng Trần	Tiến	04/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
453	CNTT2149	Đào Huy	Tiến	06/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
454	CNTT2150	Giáp Văn	Tiến	03/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
455	CNTT2151	Hoàng Tuấn	Tiến	15/01/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,0	6,5	Đạt
456	CNTT2152	Lã Trường	Tiến	02/08/2004	Đồng Nai	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
457	CNTT2153	Nguyễn Sỹ	Tiến	01/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
458	CNTT2154	Nguyễn Văn	Tiến	18/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
459	CNTT2155	Trần Đức	Tính	19/09/2003	Bắc Giang	Nam	Sán Diu	7,5	6,0	Đạt
460	CNTT2156	Hà Thanh	Toàn	16/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
461	CNTT2157	Hoàng Văn	Toàn	04/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
462	CNTT2158	Lê Tiến	Toàn	11/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	Đạt
463	CNTT2159	Lê Xuân	Toàn	15/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
464	CNTT2160	Nguyễn Văn	Toàn	14/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt
465	CNTT2161	Lương Quốc	Toàn	07/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
466	CNTT2162	Chu Ngọc	Tối	01/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt
467	CNTT2163	Lê Văn	Trà	05/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
468	CNTT2164	Leo Huyền	Trang	16/09/2003	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	6,2	6,0	Đạt
469	CNTT2165	Nguyễn Kiều	Trang	01/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
470	CNTT2166	Nguyễn Minh	Trang	03/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
471	CNTT2167	Nguyễn Thị	Trang	21/01/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
472	CNTT2168	Nguyễn Thị Đoan	Trang	08/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
473	CNTT2169	Nguyễn Thị Thu	Trang	16/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
474	CNTT2170	Trần Thị	Trang	11/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt
475	CNTT2171	Dương Đăng Hoàn	Tráng	24/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
476	CNTT2172	Nguyễn Hữu	Tranh	05/03/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
477	CNTT2173	Hương Thị	Trinh	23/08/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt
478	CNTT2174	Đỗ Quốc	Trọng	08/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
479	CNTT2175	Chu Quốc	Trung	01/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
480	CNTT2176	Hà Văn	Trung	22/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
481	CNTT2177	Nguyễn Văn	Trung	22/03/2004	Bắc Giang	Nam	Cao Lan	7,5	6,0	Đạt
482	CNTT2178	Nguyễn Văn	Trung	06/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
483	CNTT2179	Làm Văn	Trường	04/02/2004	Bắc Giang	Nam	Hoa	6,5	5,5	Đạt
484	CNTT2180	Nguyễn Văn	Trường	16/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
485	CNTT2181	Nguyễn Xuân	Trường	06/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
486	CNTT2182	Vũ Văn	Trường	30/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt
487	CNTT2183	Lương Thị	Tú	17/06/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
488	CNTT2184	Nguyễn Văn	Tú	22/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
489	CNTT2185	Nguyễn Văn	Tú	05/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt
490	CNTT2186	Vũ Văn	Tú	01/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
491	CNTT2187	Hoàng Anh	Tuân	07/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
492	CNTT2188	Trần Ngọc	Tuân	03/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
493	CNTT2189	Hoàng Anh	Tuấn	19/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt
494	CNTT2190	Lê Văn	Tuấn	18/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt
495	CNTT2191	Nguyễn Anh	Tuấn	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
496	CNTT2192	Nguyễn Anh	Tuấn	26/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
497	CNTT2193	Nguyễn Anh	Tuấn	30/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
498	CNTT2194	Nguyễn Đắc	Tuấn	27/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
499	CNTT2195	Nguyễn Đức	Tuấn	28/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt
500	CNTT2196	Nguyễn Minh	Tuấn	15/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
501	CNTT2197	Nguyễn Trịnh	Tuấn	21/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	Đạt
502	CNTT2198	Nguyễn Văn	Tuấn	25/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
503	CNTT2199	Trần Mạnh	Tuấn	21/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
504	CNTT2200	Phạm Văn	Tuệ	30/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
505	CNTT2201	Nguyễn Minh	Tùng	07/03/2004	Hoà Bình	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
506	CNTT2202	Nguyễn Văn	Tùng	17/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
507	CNTT2203	Nguyễn Văn	Tùng	06/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt
508	CNTT2204	Trần Văn	Tùng	15/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
509	CNTT2205	Nguyễn Anh	Tư	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
510	CNTT2206	Nguyễn Anh	Văn	14/04/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
511	CNTT2207	Dương Thị	Vân	16/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	Đạt
512	CNTT2208	Giáp Thị Thanh	Vân	09/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
513	CNTT2209	Nguyễn Thị	Vân	04/12/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
514	CNTT2210	Nguyễn Hùng	Vĩ	30/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
515	CNTT2211	Dùng Thị	Viên	02/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt
516	CNTT2212	Phùng Văn	Viên	16/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt
517	CNTT2213	Đỗ Xuân	Việt	06/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
518	CNTT2214	Lê Xuân	Việt	10/09/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
519	CNTT2215	Đỗ Quang	Vinh	17/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
520	CNTT2216	Giáp Văn	Vinh	02/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt
521	CNTT2217	Lê Quang	Vinh	20/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt
522	CNTT2218	Nguyễn Đức	Vinh	15/11/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
523	CNTT2219	Nguyễn Ngọc	Vinh	06/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
524	CNTT2221	Vũ Thành	Vinh	23/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
525	CNTT2222	Lê Thành	Vũ	30/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
526	CNTT2223	Nguyễn Long	Vũ	23/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt
527	CNTT2224	Nguyễn Tuấn	Vũ	22/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	5,5	Đạt
528	CNTT2225	Nguyễn Văn	Vũ	03/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	Đạt
529	CNTT2226	Nguyễn Văn	Vũ	26/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
530	CNTT2227	Tạ Quang	Vũ	24/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,0	Đạt
531	CNTT2228	Dương Văn	Xuân	19/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
532	CNTT2229	Nguyễn Thị	Xuân	21/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt
533	CNTT2230	Nguyễn Thị	Xuân	01/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
534	CNTT2231	Trần Đình	Xuân	09/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	Đạt
535	CNTT2232	Hà Thị Hải	Yên	07/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,5	Đạt
536	CNTT2233	Tạ Thị	Yên	15/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 536./.